

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN MEKONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 29
8. Phụ lục	30

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thủy sản Mekong được thành lập theo Quyết định số 592/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ về việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm thuộc Công ty nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000016 ngày 28 tháng 02 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 01 năm 2004 về việc thay đổi địa chỉ Công ty.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 09 năm 2005 về việc giảm vốn Nhà nước.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 12 năm 2006, lần thứ 4 ngày 10 tháng 10 năm 2007, lần thứ 5 ngày 03 tháng 01 năm 2008 và lần thứ 6 ngày 01 tháng 12 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Ti lệ (%)
A/ Cổ đông sáng lập	1.188.952	11.889.520.000	10,48
1. Lương Hoàng Mạnh	331.970	3.319.700.000	2,93
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	264.600	2.646.000.000	2,33
3. Nguyễn Thị Chính	259.000	2.590.000.000	2,28
4. Trần Thị Bé Năm	203.280	2.032.800.000	1,79
5. Ngô Thị Thố	130.102	1.301.020.000	1,15
B/ Cổ đông khác	10.150.912	101.509.120.000	89,52
Cộng	11.339.864	113.398.640.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 24 – Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Điện thoại : (0710) 3.841.294
Fax : (0710) 3.841.192
E-mail : mkf@hcm.vnn.vn
Website : www.mekongfish.vn
Mã số thuế : 1800448811

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản; Đầu tư tài chính; Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ.AAM.2011 ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, lợi nhuận năm 2010 được phân phối như sau:

Nội dung	Số tiền (VND)
1. Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	2.283.740.838
2. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.567.481.675
3. Chi trả cổ tức cho cổ đông	31.819.592.000
4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	293.850.000
5. Bổ sung vào nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.710.152.241
Cộng	45.674.816.754

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2010 cho các cổ đông với tổng số tiền là 20.479.728.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mạnh	Chủ tịch	15 tháng 3 năm 2008	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Chủ tịch	15 tháng 3 năm 2008	-
3. Nguyễn Thị Chính	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-
4. Trần Thị Bé Năm	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-
5. Ngô Thị Thố	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Dương Thị Lệ Thủy	Trưởng ban	24 tháng 3 năm 2010	-
2. Nguyễn Kim Phượng	Thành viên	24 tháng 3 năm 2010	-
3. Lê Yến Nhi	Thành viên	24 tháng 3 năm 2010	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mạnh	Giám đốc	15 tháng 3 năm 2008	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
3. Nguyễn Thị Chính	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
4. Tăng Tuấn Anh	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
5. Trần Thị Bé Năm	Kế toán trưởng	07 tháng 7 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

47448.
 CÔNG TY
 KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

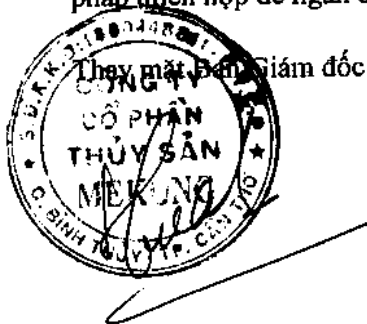
Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0729/2011/BCTC-KITV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

**Kính gửi: QUÝ CÓ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần thủy sản Mekong gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 20 tháng 07 năm 2011, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0089/KTV

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		257.856.662.653	249.309.682.154
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	84.802.373.822	76.365.463.774
1.	Tiền	111		13.669.247.414	25.165.463.774
2.	Các khoản tương đương tiền	112		71.133.126.408	51.200.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.973.774.920	2.225.235.840
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.298.109.720	2.269.978.364
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(324.334.800)	(44.742.524)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.991.714.610	113.858.425.265
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	87.978.803.160	79.159.395.978
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	7.544.459.124	982.637.620
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	13.468.452.326	33.716.391.667
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		53.031.478.727	48.728.821.217
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	53.031.478.727	48.728.821.217
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		8.057.320.574	8.131.736.058
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.751.773.096	4.200.324.026
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	302.250.729	267.951.289
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	6.003.296.749	3.663.460.743

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.037.769.565	82.026.556.210
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		71.532.849.565	75.290.713.120
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	41.172.067.384	42.166.650.459
	<i>Nguyên giá</i>	222		75.440.825.037	73.176.743.754
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34.268.757.653)	(31.010.093.295)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	27.427.098.978	18.574.409.341
	<i>Nguyên giá</i>	228		29.416.777.800	19.758.224.300
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.989.678.822)	(1.183.814.959)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	2.933.683.203	14.549.653.320
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.504.920.000	5.827.811.600
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	6.634.920.000	7.857.811.600
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(2.130.000.000)	(2.030.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		-	908.031.490
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	908.031.490
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		333.894.432.218	331.336.238.364

2047

ÔNG
NHIỆM
M.TC
T.V

TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		50.890.979.814	39.675.642.548
I. Nợ ngắn hạn		310		42.264.681.844	32.460.151.674
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.16	770.000.000	1.540.000.000
2. Phải trả người bán		312	V.17	14.969.838.369	11.874.357.860
3. Người mua trả tiền trước		313	V.18	4.654.101.140	634.222.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.19	5.118.183.525	1.952.748.447
5. Phải trả người lao động		315	V.20	5.803.501.870	3.577.683.961
6. Chi phí phải trả		316	V.21	4.551.085.418	2.030.159.960
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.22	919.446.319	1.026.627.246
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.23	5.478.525.203	9.824.352.200
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		8.626.297.970	7.215.490.874
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.24	3.081.000.000	2.093.000.000
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.25	4.620.000.000	4.620.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.26	563.141.675	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.27	362.156.295	502.490.874
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		283.003.452.404	291.660.595.816
I. Vốn chủ sở hữu		410		283.003.452.404	291.660.595.816
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.28	113.398.640.000	113.398.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.28	152.960.690.000	152.960.690.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.28	1.287.760.139	1.287.760.139
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.28	(46.930.186.946)	(24.702.485.808)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.28	5.837.847.302	5.837.847.302
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.28	8.273.023.824	8.273.023.824
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.28	48.175.678.085	34.605.120.359
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		333.894.432.218	331.336.238.364

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			119.341,35	693.475,32
Euro (EUR)			355,12	353,10
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



ngày 20 tháng 07 năm 2011

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

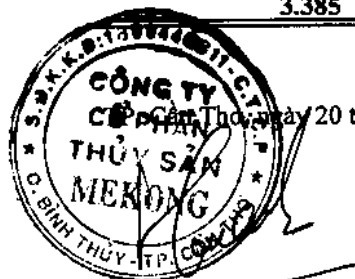
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	317.888.169.672	241.074.991.184
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	144.154.560	8.876.621.124
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	317.744.015.112	232.198.370.060
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	259.003.173.526	186.466.811.761
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.740.841.586	45.731.558.299
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.600.991.966	15.845.452.984
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.909.840.523	4.336.772.138
Trong đó: chi phí lãi vay	23		499.243.878	372.348.374
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	22.886.198.304	19.810.335.557
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.873.742.500	5.308.914.541
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.672.052.225	32.120.989.047
11. Thu nhập khác	31	VI.7	763.571.734	225.696.560
12. Chi phí khác	32	VI.8	702.441.721	102.489.217
13. Lợi nhuận khác	40		61.130.013	123.207.343
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.733.182.238	32.244.196.390
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp-hiện hành	51	V.19	10.035.773.347	4.561.351.424
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	1.471.173.165	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>34.226.235.726</u>	<u>27.682.844.966</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>3.385</u>	<u>2.441</u>



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.733.182.238	32.244.196.390
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	4.596.177.229	3.512.306.071
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.14	379.592.276	(2.737.975.900)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(2.236.559.761)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.502.770.619)	(2.555.469.352)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	499.243.878	372.348.374
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.468.865.241	30.835.405.583
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.116.688.236	(18.782.749.823)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.302.657.510)	4.326.128.031
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.613.969.719	(22.742.101.295)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(503.350.545)	(391.367.239)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.881.620.751)	(1.178.792.037)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.006.000.000	10.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.497.814.515)	(3.900.289.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.020.079.875	(11.823.765.876)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư .				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(880.276.156)	(3.902.592.824)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.163.147.350)	(352.054.273.660)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		3.263.583.938	358.986.991.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.430.703.119	3.705.466.051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.650.863.551	6.735.590.567

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG


Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.28	(22.227.701.138)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	4.000.000.000	26.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(4.770.000.000)	(27.673.031.218)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(20.479.728.000)	(17.009.796.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.477.429.138)	(17.782.827.218)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7.193.514.288	(22.871.002.527)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	76.365.463.774	128.442.791.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.243.395.760	(835.954.311)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	84.802.373.822	104.735.834.338



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Cần Thơ, ngày 20 tháng 07 năm 2011

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản; Đầu tư tài chính; Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 799 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 853 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

448-C
TY
HỮU HI
ÁN VÀ
ÁN
CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 07

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- **Thặng dư vốn cổ phần:** chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá và chênh lệch giữa giá bán ra so với giá mua vào của cổ phiếu quỹ.
- **Vốn khác:** hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20
01
NH
EM
TL
/ TI

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
30/06/2011 : 20.618 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	7.347.342	5.651.888
Tiền gửi ngân hàng	13.661.900.072	25.159.811.886
Các khoản tương đương tiền (*)	71.133.126.408	51.200.000.000
Cộng	84.802.373.822	76.365.463.774

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	-	3.298.109.720	-	2.269.978.364
Cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Việt	6.310	50.555.720	32.000	447.046.600
Cổ phiếu Công ty cổ phần Ntaco	3.000	58.587.750	-	-
Cổ phiếu Công ty cổ phần Việt An	6.930	106.946.730	5.000	103.603.500
Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng Khoán Áu Việt	50.000	296.379.000	-	-
Cổ phiếu Công ty cổ phần Nông Sản Bắc Ninh	33	561.000	-	-
Cổ phiếu Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai	15.590	108.284.920	-	-
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre	4.070	35.461.910	3.000	36.636.000
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	18.000	333.499.500	31.000	659.598.940
Cổ phiếu Công ty cổ phần Hùng Vương	31.330	531.426.070	-	-
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu Tư Công Nghiệp Tân Tạo	25.090	283.550.280	-	-
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Nhà	42.000	608.166.810	-	-
Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Vận Tài Dầu Khí	42.000	297.164.442	-	-
Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	18.880	360.922.776	-	-
Cổ phiếu Công ty cổ phần kim khí TP. Hồ Chí Minh	-	-	7.000	114.914.800
Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hoàng Long	-	-	51.960	640.363.724
Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành	14.680	172.107.502	7.000	114.914.800
Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và Đô thị IDICO	6.140	52.333.240	-	-
Cổ Phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	9	90.000	-	-
Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	-	-	15.290	152.900.000
Cổ phiếu Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	90	2.072.070	-	-
Cộng		3.298.109.720		2.269.978.364

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	44.742.524
Trích lập dự phòng	324.334.800
Hoàn nhập dự phòng	(44.742.524)
Số cuối kỳ	324.334.800

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	5.122.754.354	1.312.737.440
Khách hàng nước ngoài	82.856.048.806	77.846.658.538
Cộng	87.978.803.160	79.159.395.978

5. Trả trước cho người bán

Khoản trả trước các nhà cung cấp trong nước.

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các Đại lý cá	12.592.500.000	33.209.000.000
Phải thu khác	875.952.326	507.391.667
Cộng	13.468.452.326	33.716.391.667

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.049.195.719	3.019.046.608
Công cụ, dụng cụ	656.201.992	757.375.605
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.572.323.704	23.580.614.005
Thành phẩm	28.753.757.312	21.371.784.999
Cộng	53.031.478.727	48.728.821.217

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế tạm nộp hàng nhập khẩu tái xuất	260.945.397	260.945.397
Thuế xuất nhập khẩu	41.305.332	6.653.272
Thuế tài nguyên	-	352.620
Cộng	302.250.729	267.951.289

9. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản nhân viên tạm ứng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.359.385.863	53.674.980.150	4.721.439.126	420.938.615	73.176.743.754
Tăng trong kỳ	2.521.765.500	303.200.000	-	233.327.273	3.058.292.773
Mua sắm mới	-	303.200.000	-	12.727.273	315.927.273
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.521.765.500	-	-	-	2.521.765.500
Phân loại tài sản	-	-	-	220.600.000	220.600.000
Giảm trong kỳ	-	(220.600.000)	(550.311.490)	(23.300.000)	(794.211.490)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(550.311.490)	(23.300.000)	(573.611.490)
Phân loại tài sản	-	(220.600.000)	-	-	(220.600.000)
Số cuối kỳ	16.881.151.363	53.757.580.150	4.171.127.636	630.965.888	75.440.825.037

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

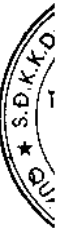
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền đẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.143.195.175	7.655.840.990	-	127.300.000	13.926.336.165
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.215.750.505	21.769.412.956	710.219.195	314.710.639	31.010.093.295
Khấu hao trong kỳ	728.509.128	3.196.443.164	208.556.376	45.197.490	4.178.706.158
Giảm trong kỳ	-	(346.430.310)	(550.311.490)	(23.300.000)	(920.041.800)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(550.311.490)	(23.300.000)	(573.611.490)
<i>Điều chỉnh khấu hao đã thanh lý năm 2009</i>	-	(346.430.310)	-	-	(346.430.310)
Số cuối kỳ	8.944.259.633	24.619.425.810	368.464.081	336.608.129	34.268.757.653
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.143.635.358	31.905.567.194	4.011.219.931	106.227.976	42.166.650.459
Số cuối kỳ	7.936.891.730	29.138.154.340	3.802.663.555	294.357.759	41.172.067.384
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 22.135.282.376 VND và 17.903.449.226 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	19.758.224.300
Tăng trong kỳ	9.658.553.500
<i>Mua trong kỳ</i>	-
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản</i>	9.658.553.500
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	29.416.777.800
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.183.814.959
Tăng trong kỳ	805.863.863
Giảm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	1.989.678.822
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	18.574.409.341
Số cuối kỳ	27.427.098.978



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	12.180.319.000	-	(12.180.319.000)	-
XDCB dở dang	2.369.334.320	564.348.883	-	2.933.683.203
Cộng	14.549.653.320	564.348.883	(12.180.319.000)	2.933.683.203

13. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu	-	6.634.920.000	-	7.857.811.600
<i>Cổ phiếu Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long</i>	213.492	4.134.920.000	213.492	4.134.920.000
<i>Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA</i>	50.000	2.500.000.000	50.000	2.500.000.000
<i>Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín</i>	-	-	77.000	1.222.821.600
<i>Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam</i>	-	-	7	70.000
Cộng		6.634.920.000		7.857.811.600

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn. Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	2.030.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	100.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	2.130.000.000

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	908.031.490
Phát sinh trong kỳ	-
Hoàn nhập trong kỳ	(908.031.490)
Số cuối kỳ	-

16. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Cần Thơ và khoản vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ đến hạn trả trong năm 2011 (xem thuyết minh V.25).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	1.540.000.000
Số tiền vay phát sinh	4.000.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	-
Số tiền vay đã trả	(4.770.000.000)
Số cuối kỳ	770.000.000

410
C
RÁCH
KIẾ
1
21

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phải trả người bán

Khoản phải trả các nhà cung cấp trong nước.

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	-	-
Khách hàng nước ngoài	4.654.101.140	634.222.000
Cộng	4.654.101.140	634.222.000

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(260.945.397)	-	-	(260.945.397)
Thuế xuất nhập khẩu (*)	(6.653.272)	-	(34.652.060)	(41.305.332)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.933.723.671	10.035.773.347	(6.881.620.751)	5.087.876.267
Thuế thu nhập cá nhân	19.024.776	189.071.712	(178.089.470)	30.007.018
Thuế tài nguyên (*)	(352.620)	2.588.310	(1.935.450)	300.240
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	39.637.500	(39.637.500)	-
Các khoản thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	1.684.797.158	10.271.070.869	(7.139.935.231)	4.815.932.796

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu:	0%
- Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm cá:	5%
- Dịch vụ cho thuê kho, bán phế liệu:	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất thuế 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính như sau:

	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.733.182.238	32.244.196.390
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	603.319.504	3.684.259
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.193.408.355)	(142.350.000)
Thu nhập chịu thuế	40.143.093.387	32.105.530.649

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	40.143.093.387	32.105.530.649
- Thu nhập tính thuế của hoạt động được ưu đãi	-	19.800.178.505
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động không ưu đãi	40.143.093.387	12.305.352.144
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất của hoạt động được ưu đãi	15%	15%
- Thuế suất của hoạt động không ưu đãi	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.035.773.347	6.046.364.812
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(1.485.013.388)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	10.035.773.347	4.561.351.424

Tiền thuê đất

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Công ty phát triển Khu công nghiệp Cần Thơ theo hợp đồng thuê đất số 17/HĐ/TLĐ.KCNCT/2003, ngày 01/12/2003:

- Diện tích đất thuê làm văn phòng: 27.562 m²
- Thời hạn thuê: 45 năm kể từ ngày 01/01/2001
- Tiền thuê được trả hàng năm theo mức: 1.862 VND/m²/năm

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6/2011 còn phải trả người lao động.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xuất hàng	4.233.191.463	1.909.050.000
Tiền công thuê ngoài	190.146.583	30.743.621
Chi phí lãi vay	26.950.000	31.056.667
Chi phí khác	100.797.372	59.309.672
Cộng	4.551.085.418	2.030.159.960

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	147.917.203	423.083.481
Kinh phí công đoàn	767.111.116	598.625.765
Phải trả khác	4.418.000	4.918.000
Cộng	919.446.319	1.026.627.246

7448.
TY
HỮU
AN V
VĂN
CƠ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.439.159.108	-	(2.412.732.268)	-	26.426.840
Quỹ phúc lợi	6.042.393.751	-	(1.346.217.247)	(544.915.000)	4.151.261.504
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	1.342.799.341	-	-	(41.962.482)	1.300.836.859
Cộng	9.824.352.200	-	(3.758.949.515)	(586.877.482)	5.478.525.203

24. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

25. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất 18%/năm, dùng để đầu tư kho lạnh 2.500 tấn và 2 dây chuyền cấp đông IQF. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản với tổng trị giá là 22.847.531.218 VND.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 1 năm trở xuống	770.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	4.620.000.000
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	5.390.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	4.620.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-
Số cuối kỳ	4.620.000.000

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	563.141.675
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-
Số cuối kỳ	563.141.675

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	502.490.874
Số trích lập trong kỳ	-
Số chi trong kỳ	(140.334.579)
Số cuối kỳ	362.156.295

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Trả cổ tức đợt 02 của năm trước (20% mệnh giá) 20.479.728.000

Cộng **20.479.728.000**

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.339.864	11.339.864
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.339.864	11.339.864
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.339.864	11.339.864
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	(2.098.050)	(1.013.340)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.098.050)	(1.013.340)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.241.814	10.326.524
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.241.814	10.326.524
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

(*) Số lượng cổ phiếu được mua lại từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

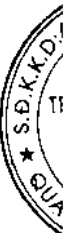
Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	317.888.169.672	241.074.991.184
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	317.814.459.236	241.012.443.547
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	73.710.436	62.547.637
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(144.154.560)	(8.876.621.124)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(144.154.560)	(3.981.620.881)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(4.895.000.243)
Doanh thu thuần	<u>317.744.015.112</u>	<u>232.198.370.060</u>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	317.670.304.676	232.135.822.423
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	73.710.436	62.547.637



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	180.673.509.700	134.233.911.703
Chi phí nhân công trực tiếp	14.189.854.798	10.495.069.966
Chi phí sản xuất chung	68.513.491.040	28.551.737.373
Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	263.376.855.538	173.280.719.042
Cộng: Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	23.580.614.005	-
Trừ: Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	(20.572.323.704)	-
Giá thành sản xuất trong kỳ	266.385.145.839	173.280.719.042
Cộng: Thành phẩm tồn kho đầu kỳ	21.371.784.999	40.593.167.239
Trừ: Thành phẩm tồn kho cuối kỳ	(28.753.757.312)	(27.407.074.520)
Cộng	259.003.173.526	186.466.811.761

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.726.876.337	3.006.464.051
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	382.764.703	340.511.547
Lãi cho vay	2.589.563.600	556.652.000
Lãi đầu tư chứng khoán	457.418.906	2.323.229.142
Lãi bán ngoại tệ	3.496.304.576	150.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.402.788.389	6.588.270.344
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.236.559.761	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	308.715.694	142.350.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	2.737.975.900
Cộng	19.600.991.966	15.845.452.984

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	499.243.878	372.348.374
Thù tục phí bán chứng khoán	26.118.907	66.505.891
Lỗ đầu tư chứng khoán	1.476.676.569	3.457.071.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	528.208.893	440.129.208
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	379.592.276	-
Chi phí tài chính khác	-	717.599
Cộng	2.909.840.523	4.336.772.138

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	277.229.916	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.608.968.388	19.810.335.557
Cộng	22.886.198.304	19.810.335.557

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.460.820.239	2.107.832.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.020.086	16.519.242
Thuế, phí lệ phí	263.548.866	260.236.265
Chi phí khác	2.984.353.309	2.924.326.931
Cộng	6.873.742.500	5.308.914.541

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu hỗ trợ, tài trợ, khuyến mãi	47.433.256	104.045.533
Công nợ không xác định được chủ	147.500.530	-
Thu bán phế liệu	222.207.638	-
Các khoản thu nhập khác	346.430.310	121.651.027
Cộng	763.571.734	225.696.560

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	16.154.775
Khấu hao đất của năm trước	556.000.007	-
Chi phí bao bì phế liệu	132.662.217	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	5.628.601	3.684.259
Tiền thuê đất các năm trước	750.896	68.950.000
Các khoản chi phí khác	7.400.000	13.700.183
Cộng	702.441.721	102.489.217

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	908.031.490	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	563.141.675	-
Cộng	1.471.173.165	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.226.235.726	27.682.844.966
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.226.235.726	27.682.844.966
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	10.112.187	11.339.864
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.385	2.441

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	10.326.524	11.339.864
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(214.337)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.112.187	11.339.864

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.069.046.836	147.511.718.635
Chi phí nhân công	19.490.585.840	13.691.397.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.386.607.532	3.512.306.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.608.968.388	19.810.335.557
Chi phí khác	17.581.587.746	13.613.975.199
Cộng	293.136.796.342	198.139.732.875

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	517.630.391	347.827.936
Phụ cấp	124.200.000	109.800.000
Cộng	641.830.391	457.627.936

2. Thay đổi chính sách, chế độ kế toán

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



ngày 20 tháng 7 năm 2011

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

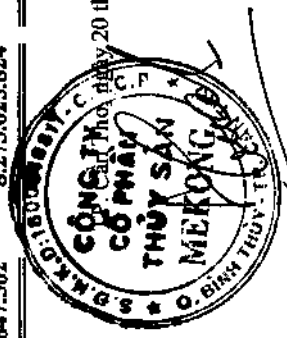
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND							
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	-	5.837.847.302	6.016.669.611	24.831.109.617	304.332.716.669
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	45.674.816.754	45.674.816.754
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	2.283.740.838	(6.851.222.513)	(4.567.481.675)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	(24.702.485.808)	-	-	-	(24.702.485.808)
Điều chỉnh tăng, giảm quỹ	-	-	-	-	-	(27.386.625)	(406.073.499)	(433.460.124)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(28.349.660.000)	(28.349.660.000)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(293.850.000)	(293.850.000)
Số dư cuối năm trước	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(24.702.485.808)	5.837.847.302	8.273.023.824	34.605.120.359	291.660.595.816
Số dư đầu năm nay	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(24.702.485.808)	5.837.847.302	8.273.023.824	34.605.120.359	291.660.595.816
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	34.226.235.726	34.226.235.726
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(20.479.728.000)	(20.479.728.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	(22.227.701.138)	-	-	-	(22.227.701.138)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(175.950.000)	(175.950.000)
Số dư cuối kỳ	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	(46.930.186.946)	5.837.847.302	8.273.023.824	48.175.678.085	283.003.452.404

Trần Thị Bé Năm
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Anh
 Người lập biểu



Lương Hoàng Mạnh
 Giám đốc

